

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng quy định hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản số 3215/SXD-QH ngày 18/5/2021 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc ý kiến về 05 hồ sơ đồ án quy hoạch chung xây dựng xã của 05 xã: Thọ Bình, Hợp Tiến, Xuân Lộc, Triệu Thành, Bình Sơn, huyện Triệu Sơn, đến năm 2030;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 143/TĐ-KTHT ngày 20/5/2021 (kèm theo Tờ trình của UBND xã Thọ Bình).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Thọ Bình, huyện

Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 với những nội dung sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

1.1. Vị trí, phạm vi ranh giới:

- Thọ Bình là một xã miền núi, nằm ở phía Tây huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Xã cách trung tâm huyện Triệu Sơn 14km.

- Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch là toàn bộ địa giới hành chính xã Thọ Bình, ranh giới cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp xã Thọ Sơn;
- + Phía Nam giáp xã Cán Khê huyện Như Thanh;
- + Phía Tây giáp xã Bình Sơn;
- + Phía Đông giáp xã Thọ Tiến, xã Hợp Lý.

1.2. Quy mô diện tích lập quy hoạch: khoảng 1.833,58ha.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã:

2.1. Mục tiêu quy hoạch:

Cụ thể hóa được các mục tiêu yêu cầu tại nhiệm vụ lập và dự toán quy hoạch, được UBND huyện Triệu Sơn phê duyệt tại Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 12/03/2021.

2.2. Tính chất, chức năng của xã:

Quy hoạch xây dựng xã Thọ Bình là quy hoạch xây dựng nông thôn; chức năng là sản xuất, phát triển kinh tế lâm nghiệp, chăn nuôi, khai thác khoáng sản, nông nghiệp gắn với phát triển tiểu thủ công nghiệp, thương mại – dịch vụ của vùng huyện Triệu Sơn.

3. Quy mô dân số, lao động, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

3.1. Quy mô dân số, lao động:

3.1.1. Dân số:

Dân số hiện trạng là 7.585 người; dự báo đến năm 2025 là 7.860 người, đến năm 2030 là 8.135 người.

3.1.2. Lao động:

Dự báo lao động đến năm 2025 là 5.030 người, đến năm 2030 là 5.260 người.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

3.2.1. Về sử dụng đất:

- Điểm dân cư nông thôn:

+ Đất xây dựng công trình nhà ở: $\geq 25\text{m}^2/\text{người};$

+ Đất xây dựng công trình, dịch vụ: $\geq 5\text{m}^2/\text{người};$

+ Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật: $\geq 5\text{m}^2/\text{người};$

+ Cây xanh công cộng: $\geq 2\text{m}^2/\text{người};$

- Trụ sở cơ quan xã: $\geq 1.000\text{m}^2.$

- Đất xây dựng trường mầm non, quy mô 50 chỗ/1000 dân: $\geq 12\text{m}^2/\text{chỗ}$

- Đất xây dựng trường tiểu học, quy mô 65 chỗ/1000 dân: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$

- Đất xây dựng trường trung học, quy mô 55 chỗ/1000 dân: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$
- Trạm y tế xã: $\geq 500\text{m}^2/\text{trạm}$.
(*Có vườn thuốc* $\geq 1000\text{m}^2/\text{trạm}$).
- Đất xây dựng nhà văn hóa xã: $\geq 1.000\text{m}^2$.
- Đất xây dựng nhà văn hóa thôn: $\geq 500\text{m}^2$.
- Đất xây dựng sân thể thao xã: $\geq 4.000\text{m}^2$.
- Đất xây dựng sân thể thao thôn: $\geq 1.000\text{m}^2$.
- Đất xây dựng điểm phục vụ bưu chính viễn thông: $\geq 150\text{m}^2$.
- Đất xây dựng chợ: $\geq 3.000\text{m}^2/\text{chợ/xã}$.

3.2.2. Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ tiêu về vệ sinh môi trường: $\geq 1 \text{ kg rác/người/ngày/đêm}$.
- Về cấp nước tiêu chuẩn: $\geq 120 \text{ lít/người/ngày}$.
- Về thoát nước bản tiêu chuẩn: $\geq 80 \% \text{ lượng nước cấp}$.
- Về cấp điện tiêu chuẩn: $\geq 660\text{W/ hộ/ngày/đêm}$.

3.2.3. Các nội dung khác: Theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 về Ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng và QCVN 4454:2012 về quy hoạch nông thôn – tiêu chuẩn thiết kế.

4. Phân khu chức năng

4.1. Khu trung tâm xã: Khu trung tâm của xã được quy hoạch nằm trên trục đường chính của xã thuộc thôn 12, hướng kết nối tuyến TL.514B, đây là khu vực tập trung các công trình hành chính, công cộng, dịch vụ chính của toàn xã, gồm: Trụ sở UBND xã, nhà văn hóa, sân thể thao, trường học, trạm y tế...

4.2. Hệ thống thôn và các khu dân cư tập trung: Giữ nguyên theo hiện trạng dân cư 14 thôn hiện có; Chính trang hạ tầng kỹ thuật cùng với sự bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, cơ sở vật chất nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Ban hành các quy định quản lý kiến trúc và trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan nhà ở dân cư và cảnh quan thôn, xóm.

4.3. Khu sản xuất, dịch vụ.

4.3.1 Khu sản xuất nông nghiệp.

a) Ngành trồng trọt:

Khu vực trồng lúa tập trung trên các ruộng thường xuyên có đủ nước tưới, giống lúa trồng là các giống lúa mới có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh, chất lượng tốt, mang lại giá trị kinh tế cao; Tiến hành chuyển đổi hình thức sản xuất tập trung (*cánh đồng mẫu lớn*).

b) Ngành chăn nuôi:

Để phát huy thế mạnh của xã và tăng thu nhập cho người dân, trong thời gian tới xã cần đầu tư khuyến khích các hộ gia đình hình thành và phát triển các mô hình trang trại. Quy hoạch xây dựng trang trại tại các khu vực sau:

- Trang trại khu vực đồng làng Mốc, thôn 7 với diện tích 1,62ha (Ô đất ký hiệu NKH01);
- Trang trại khu vực Đồng làng Tiên, thôn 11 với diện tích 2,0ha (Ô đất

ký hiệu NKH02);

- Trang trại khu đồi lâm nghiệp thôn 10, với diện tích 2,60ha (Ô đất ký hiệu NKH03).

c) Ngành thủy sản:

Quy hoạch diện tích đất nuôi trồng thủy sản của xã đến năm 2030 là 19,21 ha. Tận dụng các hồ đập, thiết kế, phân chia xây dựng ao, hồ, đầm nuôi thả theo tiêu chuẩn kỹ thuật với diện tích phù hợp trên cơ sở hoàn thiện hệ thống kênh mương sẵn có, dần hình thành trang trại chuyên nuôi trồng thủy sản, khuyến khích phát triển nuôi trồng những loại thủy sản đặc sản, có năng suất và giá trị kinh tế cao.

4.3.2. Khu sản xuất kinh doanh – Tiểu thủ công nghiệp và làng nghề

Khu tiểu thủ công nghiệp được bố trí tại đồng Cồn Chùa, thôn 1 và thôn 2 với diện tích 4,25ha (Ô đất ký hiệu SKN01). Mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1-3 tầng.

4.3.3. Khu vực dịch vụ - thương mại

Quy hoạch xây dựng nơi làm việc hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tại thôn 12 với diện tích là 0,72ha (Ô đất ký hiệu TMD01). Mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1 – 3 tầng.

4.3.4. Khu vực khai thác khoáng sản: Được bố trí tại Đồi lâm nghiệp thôn 13 (đất san lấp mặt bằng) với diện tích 33,6ha, (Ô đất ký hiệu SKS01).

4.4. Khu vực có khả năng phát triển

- Khu vực thôn 12 gần trụ sở UBND xã: Khu trung tâm được quy hoạch bố trí các công trình hạ tầng xã hội chính của xã, gồm: Trụ sở xã, trạm y tế, Trung tâm thể thao - văn hóa.v.v.

- Khu vực ven đường TL.514B được định hướng bao gồm: Quy hoạch khu tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại, đất dân cư mới phát triển....

- Khu vực tại thôn 10, thôn 11: Quy hoạch các khu dân cư mới tập trung phục vụ nhu cầu về nhà ở đến năm 2030 cho nhân dân trên địa bàn xã.

4.5. Khu vực cấm xây dựng, đặc thù và các công trình đầu mối

- Vùng hạn chế xây dựng: Các khu vực sản xuất nông nghiệp (*để ổn định sản xuất*) và các khu vực vùng xung quanh các hồ, sùon đồi (*khu vực dễ gặp nạn khi có biến cố thiên tai về khí hậu như mưa bão lớn*).

- Vùng cấm xây dựng: Cấm xây dựng tại khu vực bảo các công trình đầu mối như: Đập thủy lợi, cống thoát nước..v.v; Khu vực thuộc hành lang an toàn giao thông; Khu vực bảo vệ công trình di tích.

5. Định hướng tổ chức không gian toàn xã.

5.1. Phân vùng kinh tế.

Toàn xã Thọ Bình đến năm 2030, được chia thành 02 tiểu vùng phát triển kinh tế:

- Vùng 1 (Dọc 2 bên trục đường TL.514B và tuyến đường Thọ Bình – Bình Sơn): Đây là khu vực trọng điểm phát triển kinh tế của xã. Định hướng khu

vực tập trung phát triển các điểm dịch vụ thương mại, dịch vụ vận tải, tiểu thủ công nghiệp gắn với các điểm dân cư nông thôn.

- Vùng 2: (Khu vực còn lại trong toàn bộ xã) là vùng sản xuất nông nghiệp và sản xuất nông nghiệp tập trung trung kết hợp kinh doanh thương mại nhỏ, lẻ.

5.2. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng.

5.2.1. Khu công sở xã: Giữ nguyên vị trí tại thôn 12, thuộc vị trí trung tâm của xã, mở rộng trụ sở ủy ban với diện tích 2.200,0 m². Diện tích sau khi mở rộng là: 5.514 m². Mật độ xây dựng 40%. Tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu TSC01).

5.2.2. Khu trung tâm văn hóa- thể thao xã

a) Trung tâm văn hóa xã: Quy hoạch xây dựng mới trung tâm văn hóa xã trong khuôn viên trụ sở ủy ban, diện tích 1.200 m². Mật độ xây dựng 40%; Tầng cao 1 -3 tầng.

b) Sân thể thao xã: Giữ nguyên vị trí ở thôn 12. Với diện tích khuôn viên là: 4.207,9 m² (Ô đất ký hiệu DTT01).

5.2.3. Nhà văn hóa – sân thể thao thôn

a) Nhà văn hóa thôn:

- Giữ nguyên vị trí, diện tích đất nhà văn hóa –sân thể thao hiện có tại thôn (diện tích đã đạt yêu cầu quy định trong thiết chế văn hóa). Cụ thể:

+ Thôn 3: Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 2.436,4 m². Ký hiệu DVH03

+ Thôn 4: Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 915,6 m². Ký hiệu DVH04

+ Thôn 6: Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 252,8 m². Ký hiệu DVH06

+ Thôn 7: Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 2.817,1 m². Ký hiệu DVH07.

+ Thôn 8: Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 2.623,5 m². Ký hiệu DVH08

+ Thôn 9: Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 1.865,8 m². Ký hiệu DVH09.

+ Thôn 13: Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 939,7 m². Ký hiệu DVH13

+ Mở rộng nhà văn hóa thôn 14 tại khu vực đồng Xuân Thắng Rười, với diện tích 1.500 m². Diện tích sau mở rộng là 2.939,3. Ký hiệu DVH14

- Quy hoạch mở rộng nhà văn hóa thôn 14 tại khu vực đồng Xuân Thắng Rười, với diện tích mở rộng 1.500 m². Diện tích sau mở rộng là 2.939,3 m² (Ô đất ký hiệu DVH14).

- Quy hoạch mới nhà văn hóa thôn 1,2,5,10,11,12 đảm bảo diện tích và các quy định tại quy chuẩn 01:2019 và các quy định trong thiết chế văn hóa.

+ Mở mới nhà văn hóa thôn 1, khu vực Đồng Cửa Rẫy với diện tích 2.000 m². Ký hiệu DVH01.

+ Mở mới nhà văn hóa thôn 2, khu vực Đồng Làng Mốc với diện tích 0,20ha. Ký hiệu DVH02.

+ Mở mới nhà văn hóa thôn 5, khu vực Đồng Trước Ông Soạn, với diện tích 4.700m². Ký hiệu DVH05.

+ Mở mới nhà văn hóa thôn 10, khu vực Đồng Cạn, với diện tích 3.300 m². Ký hiệu DVH10 .

+ Mở mới nhà văn hóa thôn 11, khu vực Đồng Dọc Giữa, với diện tích 1.500 m². Ký hiệu DVH11.

+ Mở mới nhà văn hóa thôn 12, khu vực Đồng Bản Sáo Ngoài, với diện tích 800 m². Ký hiệu DVH12.

- Mật độ xây dựng của các nhà văn hóa là 40%; Tầng cao 1-3 tầng.

b) Sân thể thao thôn:

- Đối với các khu thể thao sử dụng chung trong khuôn viên của nhà văn hóa thôn, cần đầu tư các trang thiết bị thể thao chuyên dụng để đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt của nhân dân trong thôn.

- Quy hoạch mới sân thể thao thôn 1, tại khu vực Đồng Cửa Rẫy với diện tích 6.000m². (Ô đất ký hiệu DTT02); Sân thể thao thôn 2, tại khu vực Làng Mốc với diện tích 9.800 m². (Ô đất ký hiệu DTT03).

5.2.4. Công trình y tế: Giữ nguyên tại vị trí hiện trạng tại thôn 12. Với diện tích 3.242,5 m². Mật độ xây dựng 40%. Tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu DYT01).

5.2.5. Chợ nông thôn: Giữ nguyên tại vị trí thôn 1. Diện tích khu đất: 3.710,6 m². Mật độ xây dựng: 40%. Tầng cao 1 – 3 tầng (Ô đất ký hiệu DCH01).

5.2.6. Công trình giáo dục

Hiện tại trên địa bàn xã có 3 cấp trường học, cụ thể các trường như sau:

a) Trường Mầm non: Giữ nguyên ở vị trí hiện tại. Hiện nay diện tích khu đất là 2.829 m², để thực hiện xây dựng trường chuẩn Quốc gia, trường được bố trí quỹ đất mở rộng thêm với diện tích 2.500 m². Diện tích sau khi mở rộng là: 5.329 m². Mật độ xây dựng công trình 40%; Tầng cao 1- 3 tầng (Ô đất ký hiệu DGD01).

b) Trường Tiểu học:

- Trường Tiểu học khu A: Giữ nguyên vị trí hiện tại ở thôn 10, diện tích 8.016 m². Mật độ xây dựng 40%; Tầng cao 1 – 3 tầng (Ô đất ký hiệu DGD02).

- Trường Tiểu học khu B: Giữ nguyên vị trí hiện tại ở thôn 12, diện tích 4.221 m². Mật độ xây dựng 40%. Tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu DGD03).

c) Trường Trung học cơ sở: Giữ nguyên vị trí hiện tại ở thôn 12, diện tích 4.700 m². Mật độ xây dựng 45%. Tầng cao 1 – 3 tầng (Ô đất ký hiệu DGD04).

5.2.7. Điểm bưu điện văn hóa xã: Được giữ nguyên vị trí tại thôn 1 với diện tích 247,7 m². Mật độ xây dựng 40%. Tầng cao 1 – 3 tầng.

5.2.8. Công trình an ninh:

a) Trụ sở công an xã: Được bố trí tại thôn 12, diện tích 2.300m². Mật độ xây dựng 80%. Tầng cao 1 – 3 tầng; (Ô đất ký hiệu CAN01).

b) Trung tâm huấn luyện nghiệp vụ công an: Được bố trí tại khu vực giáp Đập Làng Tiên thôn 11, diện tích 21ha (Ô đất ký hiệu CAN02).

5.2.9. Nhà trực trung đội dân quân cơ động xã: Mở mới nhà trực trung đội dân quân cơ động xã nằm trong khuôn viên trụ sở ủy ban xã với diện tích là 0,05ha. Mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu CQP01).

5.3. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch khu dân cư mới và cũ

- Quy hoạch giữ nguyên vị trí các khu dân cư hiện hữu tại 14 thôn (từ thôn 11-14); Ban hành các quy định quản lý kiến trúc và trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan thôn, xóm, đáp ứng yêu cầu Tiêu chí nhà ở trong xây dựng nông thôn mới.

- Để đáp ứng sự gia tăng dân số tự nhiên và cơ học, quy hoạch xây dựng thêm các điểm dân cư nông thôn mới, trên cơ sở tiếp cận hạ tầng kỹ thuật khu dân cư hiện hữu, và lựa chọn các khu vực đất chưa sử dụng hoặc đất nông nghiệp năng suất thấp; Xác định phát triển điểm dân cư nông thôn các giai đoạn: Đến năm 2025 với diện tích 6,65ha; Đến năm 2030 là 10,91ha. Mật độ xây dựng công trình 80%; Tầng cao 1- 3 tầng (Ô đất ký hiệu PT01 - PT20).

6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối

6.1. Công trình hạ tầng sản xuất

6.1.1 Hệ thống giao thông nội đồng:

Cơ bản giữ nguyên hệ thống giao thông theo hiện trạng, nâng cấp, cải tạo các tuyến giao thông chưa đảm bảo quy định trong xây dựng NTM, đáp ứng nhu cầu đi lại sản xuất của người dân.

6.1.2. Hệ thống thủy lợi:

Thủy lợi là khâu quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Thường xuyên nạo vét, đắp bờ, khơi thông dòng chảy các hệ thống kênh mương nội đồng. Cần nâng tu bổ, xây mới lại hệ thống kênh mương chính do xã quản lý với chiều dài 8,02km để đảm bảo nhu cầu tưới, tiêu, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững, hiệu quả cao.

6.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật

6.2.1. Hệ thống giao thông:

Hệ thống giao thông xã được chia thành 02 hệ thống gồm: giao thông đối ngoại và giao thông đối nội, cụ thể :

a) Hệ thống giao thông đối ngoại:

- Đường TL.514 qua xã với chiều dài 2,5km; Lộ giới 42,0m, nền đường 12,0m, hành lang giao thông 15,0mx2=30,0m.

- Đường liên xã: gồm 04 tuyến, với tổng chiều dài là 12,3km, ký hiệu từ ĐTX-TB.01 - ĐTX-TB.04. Lộ giới 20,5m, nền đường là 10,5m, hè đường 5,0mx2=10,0m.

b) Hệ thống giao thông đối nội:

- Tuyến đường trục thôn: gồm 46 tuyến, với tổng chiều dài 21,2km, ký hiệu từ ĐTT-TB.01 - ĐTT-TB.47. Lộ giới từ 5,0m÷17,5m, mặt đường từ 3,5m÷7,5m.

- Tuyến đường ngõ xóm: gồm 49 tuyến, với tổng chiều dài 20,0km, ký hiệu ĐNX-TB.01 - ĐNX-TB.49. Lộ giới 5,0m, mặt đường là 3,5m, lề đường $0,75m \times 2 = 1,5m$.

- Tuyến đường nội đồng: với tổng chiều dài 31,6km, ký hiệu ĐND-TB.01 - ĐND-TB.58. Nền đường 4,0m, mặt đường 3,0m, lề đường $0,5m \times 2 = 1,0m$.

6.2.2. Quy hoạch cao độ nền.

- Khu trung tâm nằm kề đường liên xã, độ cao san nền sẽ gắn với đường liên xã và theo địa hình tự nhiên, thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam. Nhìn chung với định hướng như vậy khu trung tâm không phải san lấp thêm. Các công trình khi thiết kế sẽ xác định độ cao nền nhà phù hợp.

- Các tuyến kênh mương khi cải tạo, cứng hóa: Xác định cao độ đáy kênh phù hợp theo hướng tưới, tiêu.

6.2.3. Hệ thống cấp nước.

- Nguồn nước và hệ thống cấp nước: Bố trí mạng lưới đường ống cấp nước sạch từ xã Hợp Lý. Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt, các đường ống đi ngầm dưới vỉa hè hoặc lòng đường, với tiết diện đường ống chính D110- D200; Giai đoạn trước mắt, nguồn nước sinh hoạt được lấy từ nguồn nước giếng khoan từ các mạch nước ngầm.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Được thiết kế sử dụng chung với đường ống cấp nước sinh hoạt, các họng cứu hỏa đấu nối với đường ống cấp nước có đường kính $\geq D100$ mm và khoảng cách giữa các họng cứu hỏa khoảng 150m.

6.2.4. Hệ thống điện.

- Giữ nguyên vị trí các trạm biến áp, và các tuyến đường dây tải điện hiện có, gồm 7 trạm biến áp, 13,5 km đường dây trung thế 22KV, 46,8km đường dây hạ áp 0,4KV; Nâng cấp công suất trạm biến áp từ trạm 2 đến trạm lên 320KVA. Tổng công suất của 7 trạm biến áp sau nâng cấp là 2.240KVA, đảm bảo cho nhu cầu sử dụng điện trong giai đoạn đến năm 2030.

6.3. Hệ thống hạ tầng khác.

- Hệ thống hồ, đập: Cải tạo đập Chân Đồn (Ô đất ký hiệu DTL01); Quy hoạch đập Ngọc Lưu (Ô đất ký hiệu DTL02); Quy hoạch đập Cổ Hoàng (Ô đất ký hiệu DTL03).

- Cầu, cống: Quy hoạch nâng cấp lại 13 cái cống hiện nay đã xuống cấp.

6.4. Công trình hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

6.4.1. Hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt ở các khu dân cư của xã Thọ Bình sau khi xử lý sẽ được theo các mương dẫn nước thải đổ ra hệ thống tiêu thoát nước chung.

- Mương rãnh dẫn nước thải thường được thiết kế chạy dọc theo đường giao thông, kết hợp cả tiêu thoát nước thải và tiêu thoát nước mưa.

- Phương án thoát nước: Với các điểm dân cư tập trung cần xây hệ thống mương nắp đan thu nước sau đó dẫn ra các kênh tiêu và đổ ra kênh thoát, còn các điểm dân cư thưa thớt thiếu tập trung trước mắt vẫn sử dụng phương pháp thâm thấu có biện pháp xử lý triệt để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

6.4.2. Hệ thống rác thải

- Khu trung chuyển rác thải được bố trí tại khu vực Đồng Giếng thôn 9, với diện tích 1,25ha (Ô đất ký hiệu DRA01)

- Khuyến khích và hướng dẫn nhân dân phân loại chất thải rắn (CTR) ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ. Đối với CTR hữu cơ, các hộ gia đình tận dụng một phần cho chăn nuôi gia súc, phần còn lại sẽ ủ, tạo thành phân vi sinh phục vụ nông nghiệp. CTR vô cơ không còn được tái chế, sẽ chuyển về bãi trung chuyển để vận chuyển đi xử lý.

6.4.3. Quy hoạch nghĩa trang.

- Trong giai đoạn ngắn hạn các nghĩa trang nhỏ lẻ trên địa bàn xã sẽ đóng cửa, đồng thời có kế hoạch khoanh vùng trồng cây xanh cách ly đảm bảo mỹ quan môi trường. (Ô đất ký hiệu từ NTD01-NTD07).

- Trong giai đoạn dài hạn: quy hoạch 3 nghĩa trang tập trung:

+ Quy hoạch mới nghĩa trang thôn 2, tại khu vực Đồi lâm nghiệp, với diện tích 2,0ha (Ô đất ký hiệu NTD12);

+ Mở rộng nghĩa trang thôn 6, tại khu vực Đồng Đu Đu với diện tích 0,83ha (Ô đất ký hiệu NTD11);

+ Mở rộng nghĩa trang thôn 8, tại khu vực Đồng Xuân Thắng Trên, với diện tích 0,75ha (Ô đất ký hiệu NTD09).

7. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư và nguồn vốn

7.1. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư

- Lập quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư nông thôn, đầu tư hệ thống HTKT, HTXH đồng bộ, tạo nguồn lực để đầu tư các hạng mục khác.

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống giao thông trục chính, đầu tư hệ thống rãnh thoát nước, cây xanh, hệ thống chiếu sáng.

- Xây dựng, cải tạo kiến cố hoá hệ thống kênh mương nội đồng.

- Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch, thoát nước thải và thoát nước mặt theo hướng đồng bộ - hiện đại.

- Xây dựng mới trạm biến áp, nâng cấp các trạm biến áp hiện có; xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống đường dây điện.

- Đầu tư xây dựng mới khu trung tâm văn hoá thể dục thể thao xã, công sở UBND xã, nhà công an, nhà trực dân quân cơ động, nhà văn hóa và sân thể thao các thôn, trạm y tế, bưu điện.

- Cải tạo, chỉnh trang các công trình công cộng, các khu dân cư hiện có.

7.2. Nguồn vốn: Từ nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã Thọ Bình có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn đến năm 2030 để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện; đồng thời lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Thọ Bình tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Thọ Bình và Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- VP Điều phối NTM huyện;
- Như Điều 3 QĐ;
- UBND xã Thọ Bình;
- Lưu: VT, KTHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Đức Kính